

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thảo.

2. Ông Võ Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Doan Trang – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-DS ngày 15/12/2023, giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn 8, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Tổ 12, thôn Quý P, xã Bình Q, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị T có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian ngắn và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Q, huyện T vào năm 2019. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sinh sống tại xã Bình Q, huyện T, Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp với nhau, hay xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Ngoài ra, do anh S không lo làm ăn, hăm chơi với bạn bè, nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2021 và vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay Chị T thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/8/2019.

Trong thời gian chị về nhà cha mẹ thì cháu L sống với anh S. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu L cho anh S nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

- Nợ chung: Không có.

* Bị đơn, Anh Nguyễn Văn S không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ vắng mặt nhiều lần.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn giao cháu L cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn cư trú tại huyện T. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy bị đơn Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt đến người nhà của bị đơn, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Dương Thị T Anh Nguyễn Văn S là vợ chồng hợp pháp, tại trích lục kết hôn số: 362/2022/TLKH-BS ngày 10/8/2022 của UBND xã Bình Q. Xác định Chị T anh S kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 65 ngày 19/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Q, huyện T. Sau khi kết hôn, theo Chị T và bà Thủy mẹ ruột anh S đều xác định vợ chồng Chị T anh S không hạnh phúc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh S không đến và Chị T không mong muốn chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng Chị T anh S thật sự không mong muốn sống nhau. Nếu có ép buộc thì mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc. Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị Dương Thị T xin được ly hôn với Anh Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung: Theo Chị T trong quá trình chung sống, vợ chồng Chị T anh S có 01 con chung tên là: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/8/2019. Chị T có nguyện vọng giao cháu L cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, bởi lẽ: Thời gian vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau cháu L sống cùng với anh S và ông bà nội. Theo lời khai của bà Thủy mẹ anh S cũng thừa nhận cháu L hiện nay đang sống với anh S và ông bà nội, cuộc sống của cháu đang ổn định. Xét thấy để đảm bảo điều kiện và môi trường sống cho cháu L được ổn định, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu L cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S không đến Tòa án để hòa giải, xét xử nên không xác định được anh S có yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T khai thu nhập thấp và không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết trong vụ án này về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Chị T phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003401 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Dương Thị T. Chị Dương Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung và nuôi con chung: Xác định vợ chồng Chị T anh S có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/8/2019.

2.1. Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 05/8/2019 cho Anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

3. Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Chị T phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003401 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã Bình Q;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành